TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST Ngày 24 tháng 5 năm 2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Đức Lâm;

2. Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Cáp Thị T, sinh năm 1992 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ, thôn Th, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn***: Anh Dương Tiến Th, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm M, thôn Th, xã H, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cáp Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Dương Tiến Th vào ngày 23/4/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ngoài ra, anh Th thường xuyên uống rượu, nhiều lần la mắng, đánh đập chị, mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Năm 2018 chị đã làm đơn xin ly hôn gửi đến TAND huyện Hiệp Hoà để giải quyết, nhưng sau đó được người thân khuyên giải và anh Th có viết bản cam kết sẽ thương yêu và không bạo hành vợ con nữa nên chị đã rút đơn để vợ chồng về sống đoàn tụ. Tuy nhiên, sau đó anh Th vẫn thường xuyên đánh đập và mắng chửi chị. Chính vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng hơn. Hậu quả là giữa chị và anh Th đã

sống ly thân mỗi người một nơi từ cuối năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Tiến Th.

Về con chung: Giữa chị và anh Th có 02 con chung là Dương Ngọc Á, sinh ngày 14/02/2013 và Dương Thị Kim Ng, sinh ngày 29/10/2019. Hiện nay cháu Ngọc Ánh đang ở cùng anh Th, còn cháu Kim Ngân đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin nuôi cả 2 con chung. Trường hợp anh Th không đồng ý và cũng mong muốn được nuôi con thì chị đề nghị được nuôi cháu Dương Thị Kim Ng; còn anh Th nuôi dưỡng cháu Dương Ngọc Á. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Dương Tiến Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cáp Thị T kết hôn với nhau ngày 23/4/2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tuy nhiên anh xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức trầm trọng; đến ngày 19/11/2022 âm lịch thì giữa anh và chị T có phát sinh va chạm, mâu thuẫn và mắng chửi lẫn nhau, lý do là chị T không biết nhường nhịn và có nhiều lời nói gay gắt với anh. Sau đó chị T tự ý bỏ nhà đi và mang theo 01 con chung, khi chị T mang con bỏ đi thì không báo cho anh và gia đình biết, anh cũng không biết chị T đi đâu, nhiều lần anh đã cố gắng đi tìm và liên lạc với chị T nhưng vẫn không biết chị T ở đâu, làm gì. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vẫn còn khả năng đoàn tụ nên anh chưa đồng ý ly hôn, anh Th đề nghị Tòa án kiên trì hòa giải và cho anh thời gian để anh động viên chị T rút đơn xin ly hôn. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Dương Ngọc Á, sinh ngày 14/02/2013 và Dương Thị Kim Ng, sinh ngày 29/10/2019. Hiện nay cháu Ngọc Ánh đang ở cùng anh, còn cháu Kim Ng đang ở cùng chị T. Trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh mong muốn được nuôi cả 2 con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của đương sự được biết: Sau khi kết hôn chị T và anh Th chung sống với nhau tại địa phương, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận và có 02

con chung. Đến thời gian gần đây đã phát sinh mâu thuẫn nên giữa chị T và anh Th mỗi người ở một nơi, không còn chung sống với nhau nữa.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với các đương sự nhiều lần nhưng giữa các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Th.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cáp Thị T được ly hôn anh Dương Tiến Th.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Á, sinh ngày 14/02/2013 cho anh Dương Tiến Th trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Dương Thị Kim Ng, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Cáp Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cáp Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Cáp Thị T yêu cầu ly hôn anh Dương Tiến Th. Anh Th cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân thì thấy: Chị T và anh Th kết hôn ngày 23 tháng 4 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thấy rằng: Sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Th nêu ra có khác nhau, nhưng cả hai người đều thừa nhận do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống, dẫn đến va chạm và mất lòng tin đối với nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng bản thân hai người đã cố gắng nhẫn nhịn, tìm cách khắc phục và được người thân khuyên giải nhiều nhưng

không có kết quả. Mặc dù anh Th cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn, nhưng quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải về tình cảm vợ chồng giữa các đương sự nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian cho anh Th tìm cách động viên chị T quay về chung sống nhưng đến nay hai người vẫn sống ly thân mỗi người một nơi, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh Th. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của hai bên đương sự được biết: Giữa chị T và anh Th đã mâu thuẫn từ lâu, hiện nay hai người không còn chung sống cùng nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh Th có 02 con chung là Dương Ngọc Á, sinh ngày 14/02/2013 và Dương Thị Kim Ng, sinh ngày 29/10/2019. Khi ly hôn chị T và anh Th đều có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi dưỡng và trực tiếp chăm sóc con chung của chị T và anh Th là chính đáng, thể hiện tình cảm, trách nhiệm của bố mẹ đối với con chưa thành niên, cả hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng đến tâm lý của con chưa thành niên. Cháu Dương Thị Kim Ng còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ và hiện nay đang do chị T nuôi dưỡng; cháu Dương Ngọc Á đã trên 07 tuổi, cháu Anh có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố và hiện đang do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, chị T và anh Th đều làm nghề tự do, có thu nhập nên đều có đủ điều kiện để nuôi con chung, để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con, không cần thiết phải xáo trộn, thay đổi môi trường sinh sống và học tập của các con nên giao cháu Dương Thị Kim Ng cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Dương Ngọc Á cho anh Th nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Cáp Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cáp Thị T được ly hôn anh Dương Tiến Th.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc Á, sinh ngày 14/02/2013 cho anh Dương Tiến Th nuôi dưỡng; Giao cháu Dương Thị Kim Ng, sinh ngày 29/10/2019 cho chị Cáp Thị T nuôi dưỡng.

Anh Th, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp ở với mình theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cáp Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012246 ngày 06/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị T đã thi hành xong án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 củaLuật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Văn Hải